

Số: /QĐ-UBND

Phù Mỹ, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTN ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐUBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết

định số 25/2019/QĐUBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND huyện Phù Mỹ về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND xã Mỹ Lợi tại Tờ trình số 337/TTr-UBND ngày 11/10/2023 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 104/TTr-KTHT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Lợi, với các nội dung chính, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ; có giới cận cụ thể như sau:

- + Phía Nam giáp : xã Mỹ Phong và xã Mỹ Thọ;
- + Phía Bắc giáp : xã Mỹ Châu.
- + Phía Đông giáp : xã Mỹ An và xã Mỹ Thắng;
- + Phía Tây giáp : thị trấn Bình Dương;

b) Quy mô lập quy hoạch:

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 2.572 ha.
- Quy mô dân số hiện trạng năm 2022 khoảng 7.061 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 7.300 người và năm 2035 khoảng 7.400 người.

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xã Mỹ Lợi thuộc phân vùng I theo phân vùng phát triển của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; là phân vùng phát triển đô thị, nông nghiệp và du lịch sinh thái.

- Là xã thuộc vùng phát triển nuôi trồng thủy sản, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển thương mại - dịch vụ, kết nối với thị trấn Bình Dương và đô thị Mỹ An (hình thành sau năm 2025), phát triển du lịch sinh thái gắn

với cảnh quan thiên nhiên đầm Trà Ô.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết nối đồng bộ với thị trấn Bình Dương; xác lập quỹ đất và đảm bảo hiệu quả sử dụng đất gắn với bảo vệ môi trường; rà soát, bổ sung các chỉ tiêu theo quy định của Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai các đề án quy hoạch chi tiết, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Các động lực phát triển chính:

- Định hướng cơ cấu kinh tế chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn kết với phát triển thương mại dịch vụ sinh thái, trải nghiệm.

- Hệ thống giao thông quy hoạch bao trùm, tiếp cận thuận lợi và cảnh quan đầm Trà Ô hấp dẫn, sở hữu giá trị tự nhiên và đa dạng sinh thái, nhiều dư địa cho phát triển thương mại, du lịch sinh thái, trải nghiệm.

- Tiếp giáp với thị trấn Bình Dương (đô thị Bình Dương là trung tâm các xã: Mỹ Châu, Mỹ Đức, Mỹ Lộc, Mỹ Phong và Mỹ Lợi), có điều kiện mở rộng không gian đô thị của xã Mỹ Lợi.

5. Quy hoạch phát triển không gian:

5.1. Quy hoạch khu dân cư:

Khu dân cư nông thôn gồm các khu dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang tập trung ở các thôn: Chánh Khoan Nam, Chánh Khoan Tây và Phú Ninh Tây (phía Tây đường huyện Mỹ Châu - Mỹ Phong), đường Dương Liễu Nam - Mỹ Thắng, đường tỉnh ĐT.632 và ven đầm Trà Ô. Quy hoạch bổ sung quỹ đất để phát triển nhà ở dân cư kết hợp cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu tại các thôn để phục vụ đời sống nhân dân như. Tổng diện tích các khu vực khoảng 415 ha, cụ thể:

- Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Lợi: Bao gồm khu vực trung tâm xã hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang, quy hoạch mở rộng về phía Bắc và phía Đông thuộc thôn Chánh Khoan Nam; là khu trung tâm hành chính công cộng, tập trung các công trình Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã và các công trình dịch vụ xã hội, diện tích khoảng 99,0 ha.

- Khu dân cư Gò Găng: Khu vực phát triển dựa trên dân cư hiện hữu, chỉnh trang thôn Phú Ninh Tây; là trung tâm giáo dục của xã và là đầu mối nông, hải sản trong khu vực, diện tích khoảng 84,0 ha.

- Khu dân cư Chánh Khoan Tây: Khu vực phát triển dựa trên dân cư hiện hữu, chỉnh trang thôn Chánh Khoan Tây và quy hoạch khu dân cư mới (khi khu vực mỏ vật liệu Gò Đúc được chuyển đổi công năng); phát triển kinh tế nông nghiệp và chú trọng cảnh quan nông nghiệp; phát huy vị trí thuận lợi nằm tiếp giáp với thị

trấn Bình Dương và cụm công nghiệp Bình Dương tạo sức hút để tăng mật độ dân cư, diện tích khoảng 94,0 ha.

- Khu dân cư phía Tây đầm Trà Ô: Khu vực phát triển dựa trên dân cư hiện hữu, chỉnh trang một phần của các thôn: Chánh Khoan Nam, Chánh Khoan Tây và Chánh Khoan Đông; là trung tâm văn hóa - TDTT của xã, phát triển thương mại - dịch vụ, dịch vụ sinh thái, trải nghiệm, diện tích khoảng 138,0 ha.

Ngoài ra, các cụm dân cư hiện hữu nhỏ lẻ, phân bố rải rác trong các khu đất nông nghiệp, đất khác.

5.2. Quy hoạch các khu vực phát triển:

a) Khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Khu vực cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cập nhật quy hoạch cụm công nghiệp Bình Dương (một phần thuộc thôn Chánh Khoan Nam và Chánh Khoan Tây) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 về việc thành lập Cụm công nghiệp Bình Dương, diện tích khoảng 31,75 ha.

b) Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Tổ chức 03 khu chức năng, gồm:

- Khu vực thương mại - dịch vụ kết hợp khu dân cư phía Tây đầm Trà Ô dọc tuyến đường huyện 17B (Văn Trường - Mỹ Thắng), thôn Chánh Khoan Tây và Chánh Khoan Đông, diện tích khoảng 25,0 ha.

- Khu vực thương mại - du lịch kết hợp nuôi trồng thủy sản đặc sản, phân bố tuyến đường dọc quy hoạch D3, thôn Chánh Khoan Nam, diện tích khoảng 08 ha.

- Khu vực khai thác thủy sản kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái cảnh quan đa dạng đầm Trà Ô, phân bố tại các thôn Chánh Khoan Đông, Chánh Khoan Nam và Mỹ Phú Bắc, diện tích khoảng 300 ha.

c) Khu vực phát triển nông nghiệp:

- Khu vực trồng trọt: Tập trung ở phía Tây Bắc thôn Chánh Khoan Tây và phía Tây Nam của xã, diện tích khoảng 1.101 ha, cụ thể:

+ Khu vực chuyên trồng lúa: Tập trung phía Bắc đường tỉnh ĐT.632, thôn Chánh Khoan Tây, Phú Ninh Tây và ven đầm Trà Ô, diện tích khoảng 484 ha.

+ Khu vực trồng cây ăn quả, cây hàng năm khác: Tập trung thôn Chánh Khoan Nam và phía Nam đường ĐT.632, diện tích khoảng 617 ha.

- Khu vực chăn nuôi tập trung: Quy hoạch 01 khu vực phát triển chăn nuôi phía Bắc hồ Hóc Miếu, thôn Phú Mỹ Đông, diện tích khoảng 08ha.

- Khu vực phát triển lâm nghiệp: Tập trung tại núi Miếu thôn Mỹ Phú Nam, núi Lò thuộc Phú Ninh Đông, diện tích khoảng 592 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

| TT | Loại đất | Hiện trạng | | Quy hoạch đến năm 2030 | | Quy hoạch đến năm 2035 | |
|----------|--|-----------------|---------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Đất nông nghiệp | 1.774,69 | 68,98 | 1.721,77 | 66,92 | 1.709,42 | 66,44 |
| 1.1 | Đất sản xuất nông nghiệp | 1.179,86 | 45,86 | 1.105,25 | 42,96 | 1.092,91 | 42,48 |
| 1.2 | Đất lâm nghiệp | 594,25 | 23,10 | 591,96 | 23,01 | 591,96 | 23,01 |
| 1.3 | Đất nuôi trồng thủy sản | 0,58 | 0,02 | 7,78 | 0,30 | 7,78 | 0,30 |
| 1.4 | Đất nông nghiệp khác | 0,00 | 0,00 | 16,78 | 0,65 | 16,78 | 0,65 |
| 2 | Đất xây dựng | 210,08 | 8,17 | 281,03 | 10,92 | 301,78 | 11,73 |
| 2.1 | Đất dân dụng | 153,08 | 5,95 | 198,83 | 7,73 | 219,58 | 8,53 |
| | - Đất ở | 54,08 | 2,10 | 77,20 | 3,00 | 80,77 | 3,14 |
| | - Đất công cộng | 6,61 | 0,26 | 12,48 | 0,48 | 24,35 | 0,95 |
| | - Đất cây xanh, thể dục, thể thao | 3,20 | 0,12 | 3,67 | 0,14 | 3,67 | 0,14 |
| | - Đất hạ tầng kỹ thuật, gồm: | 89,19 | 3,47 | 105,49 | 4,10 | 110,80 | 4,31 |
| | + Đất giao thông | 58,69 | 2,28 | 70,03 | 2,72 | 75,34 | 2,93 |
| | + Đất xử lý chất thải rắn | 0,00 | 0,00 | 2,50 | 0,10 | 2,50 | 0,10 |
| | + Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 30,50 | 1,19 | 32,96 | 1,28 | 32,96 | 1,28 |
| | + Đất hạ tầng kỹ thuật khác | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 2.2 | Đất xây dựng khác | 57,01 | 2,22 | 82,20 | 3,19 | 82,20 | 3,19 |
| | - Đất hạ tầng phục vụ sản xuất | 31,90 | 1,24 | 31,71 | 1,23 | 31,71 | 1,23 |
| | - Đất quốc phòng an ninh | 0,00 | | 0,10 | | 0,10 | |
| | - Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền | 2,76 | | 2,76 | | 2,76 | |
| | - Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề | 22,01 | | 31,75 | | 31,75 | |
| | - Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng | 0,34 | 0,01 | 15,89 | 0,62 | 15,89 | 0,62 |
| | - Đất xây dựng các chức năng khác | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 3 | Đất khác | 588,07 | 22,86 | 570,04 | 22,16 | 561,64 | 21,83 |
| 3.1 | Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng | 537,47 | 20,89 | 539,77 | 20,98 | 539,77 | 20,98 |
| 3.2 | Đất chưa sử dụng | 50,60 | 1,97 | 30,27 | 1,18 | 21,87 | 0,85 |
| | Tổng | 2.572,84 | 100,00 | 2.572,84 | 100,00 | 2.572,84 | 100,00 |

6.1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

+ Đất xây dựng công trình nhà ở: 49,12 m²/người.

- + Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ: 32,91 m²/người.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 149,73 m²/người.
- + Đất cây xanh công cộng tại các điểm dân cư: $\geq 4,96$ m²/người.

6.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) ban hành theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc và các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan về quy hoạch xây dựng.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt:

- Cao độ nền xây dựng bám sát địa hình tự nhiên, lựa chọn với tần suất lũ tối đa 10%; giải pháp cốt nền quy hoạch chi tiết phải đảm bảo thoát nước mưa nhanh, không gây xói lở, xói mòn và ngập úng.

- Giải pháp thoát nước mặt chung phù hợp với địa hình tự nhiên thoát ra các hệ thống kênh mương, suối và thoát ra đầm Trà Ô.

7.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Cập nhật các tuyến đường theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ: Tuyến đường ĐT.632 dài 5,7 km, đường huyện ĐH. Mỹ Châu - Mỹ Phong dài 5,4km theo tiêu chuẩn đường cấp IV, định hướng tối thiểu cấp IV đồng bằng giai đoạn 2025-2035, lộ giới 32 m; đường huyện 17B (Văn Trường - Mỹ Thắng) dài 0,4km theo tiêu chuẩn cấp V đồng bằng và đường Dương Liễu Nam - Mỹ Thắng dài 4,0km, lộ giới 20 m.

- Giao thông đối nội: Các tuyến giao thông trung tâm xã, liên xã theo tiêu chuẩn định hướng đến đô thị loại V, lộ giới từ từ 12 m đến 20 m; các tuyến đường liên thôn được quy hoạch mới và cải tạo nâng cấp, lộ giới 7,5 m; đường ngõ xóm, nội đồng tối thiểu đạt B.

7.3. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2035 khoảng 2.000 m³/ngày.đêm.

- Nguồn cấp nước: Trạm cấp nước Mỹ Lợi, với công suất hiện hữu 1.100m³/ngày.đêm và tăng cường từ nhà máy nước Bình Dương (công suất hiện hữu 1.000m³/ngày.đêm, công suất dự kiến: năm 2025 là 5.500 m³/ngày.đêm, năm 2035 là 6.300 m³/ngày.đêm).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được quy hoạch thiết kế đảm bảo các quy định về PCCC.

7.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu công suất điện toàn khu: Đến năm 2030 khoảng 7.123KW và đến năm 2035 khoảng 8.224KW.

- Nguồn cấp điện: Từ trạm biến áp 110/22kV Phù Mỹ 25+40MVA. Giai đoạn 2026 - 2030 nâng công suất trạm biến áp Phù Mỹ 110/22KV lên 2x40MVA theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Định.

7.5. Thông tin liên lạc:

- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam.
- Tổng nhu cầu thuê bao dự kiến đến năm 2035 là 4.070 thuê bao.

7.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Nguyên tắc chung: Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên, trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

+ Tổng lượng nước thải đến năm 2035 khoảng 1.322 m³/ngày.đêm.

- Chất thải rắn:

+ Tổng lượng rác thải đến năm 2035 khoảng 5,92 tấn/ngày.

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống thu gom rác thải theo Chương trình “Phân loại rác tại nguồn”. Giai đoạn trước mắt, rác thải được thu gom và đưa về khu xử lý rác thải chung của huyện, về lâu dài ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý rác thải thân thiện với môi trường.

- Nghĩa trang:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại thôn Mỹ Phú Đông. Tuyên truyền, vận động người dân không chôn cất trong vườn nhà hoặc theo hộ tộc. Dàn đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ.

+ Giai đoạn dài hạn: Sử dụng nghĩa trang cấp huyện tại khu vực phía Bắc huyện Phù Mỹ (tại xã Mỹ Lộc, quy mô khoảng 15 ha) theo Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch đóng cửa tất cả nghĩa trang trong khu vực và chuyển đổi thành đất cây xanh.

8. Đánh giá môi trường chiến lược: Kèm theo thuyết minh đồ án.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: Kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND xã Mỹ Lợi phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa; gửi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt cho Sở Xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị có liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch theo quy định.

- UBND xã Mỹ Lợi tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên, mời gọi đầu tư theo phân kỳ, đảm bảo mục tiêu đã được xác định. Định kỳ 05 năm tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện kiểm tra, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Giao các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đồ án này theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Văn hoá và Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Chủ tịch UBND xã Mỹ Lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện uỷ (báo cáo);
- TT. HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Xây dựng (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT, LMH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lịch